

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2023/KDTM-PT

Ngày: 19/5/2023

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà

Các Thẩm phán: Ông Lê Trúc Lâm

Ông Ngô Chiu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Bà Ninh Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2022/KDTM-PT ngày 10/12/2022 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2022/KDTM-ST ngày 10/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2023/KDTM-PT ngày 05/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S (viết tắt: Ngân hàng); Địa chỉ: 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Do bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ Tổng giám đốc làm đại diện theo pháp luật. Ủy quyền cho ông Cao Phi K, chức vụ Giám đốc chi nhánh Phú Yên theo giấy ủy quyền số 3977/2020/GUQ-PL ngày 28/12/2020 của Tổng Giám Đốc. Ông Cao Phi K ủy quyền cho ông Phạm Lý Hồng Đ, chức vụ Trưởng phòng kiểm soát rủi ro. Theo giấy ủy quyền số 285/2021/GUQ-CNPY ngày 15/9/2021 của Giám đốc chi nhánh tỉnh Phú Yên. Địa chỉ: 205 – 207 – 209 – 211 Hùng Vương, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Ông Đ có mặt.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại P (viết tắt Công ty TNHH thương mại P); Địa chỉ trụ sở chính: 62 Nguyễn T, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Địa chỉ hiện nay: 64/2 Nguyễn T, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Do bà Trần Thị P, sinh năm: 1965. Chức vụ Giám đốc làm đại diện theo pháp luật. Nơi đăng ký thường trú: 64/2 Nguyễn T, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Bà Trần Thị P có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Oanh X, sinh năm: 1986. Địa chỉ: 62 Nguyễn T, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Công ty TNHH Thương mại P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 28/9/2021, quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/6/2020, giữa Ngân hàng S chi nhánh Phú Yên và Công ty TNHH thương mại P ký hợp đồng tín dụng số 20202545667 vay số tiền 2.800.000.000đ. Ngày 30/6/2020, ký thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số BS01/202025453667, nâng hạn mức lên 3.000.000.000. Theo giấy nhận nợ số 03/LD/2103200415 vào ngày 01/2/2021, thể hiện nội dung công ty TNHH thương mại P được Ngân hàng TMCP S chi nhánh Phú Yên cấp tín dụng với số tiền 3.000.000.000đ, giải ngân vào số tài khoản 040027506404, chủ tài khoản Công ty TNHH thương mại P, thời hạn vay 06 tháng, đáo hạn vào ngày 01/8/2021, lãi suất 8,2%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh. Thanh toán nợ lãi trả hàng tháng, đến ngày 08/3/2021, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi vay, nên khoản nợ vay chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo cho công ty TNHH thương mại P nhưng công ty không thực hiện trả nợ. Tại Biên bản làm việc ngày 07/3/2022, giữa Ngân hàng TMCP S chi nhánh Phú Yên và Công ty TNHH thương mại P thỏa thuận cam kết thanh toán số tiền vay cho Ngân hàng đến ngày 31/3/2022 thì Ngân hàng sẽ giảm công ty số tiền lãi 184.657,457đ. Nhưng đến ngày 31/3/2022, công ty vẫn không thực hiện nghĩa vụ đã cam kết. Ngày 01/4/2022, Ngân hàng có thông báo số 76/2022/TB-CNPY về việc chấm dứt miễn giảm lãi vay đối với công ty TNHH thương mại P. Tính đến ngày 10/5/2022, công ty TNHH thương mại P còn nợ gốc 3.000.000.000đ, lãi trong hạn 98.400.000đ, lãi quá hạn 285.090.411đ, lãi phạt quá hạn 9.173.598đ.

Để thực hiện hợp đồng vay, vào ngày 07/6/2019 bà Lê Thị Oanh X (con của bà Trần Thị P) thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở tại 64/2 Nguyễn T, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 826670 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 011433

do UBND thành phố T cấp ngày 12/12/2012, cập nhật biến động ngày 18/5/2016, theo hợp đồng thế chấp số 264/TC-19 ngày 7/6/2019 và các phụ lục hợp đồng thế chấp, hợp đồng sửa đổi bổ sung được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S chi nhánh Phú Yên và bà Lê Thị Oanh X. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 07/6/2019 tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Vì công ty TNHH thương mại P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố T buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn đối với khoản vay trên và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký. Đồng thời nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn công ty TNHH thương mại P do người đại diện theo pháp luật bà Trần Thị P trình bày: Phần trình bày của nguyên đơn tôi hoàn toàn đồng ý, không có ý kiến gì. Tôi xin Ngân hàng chốt nợ gốc và lãi đến ngày 19/11/2021, xin không trả lãi quá hạn. Tạo điều kiện cho công ty trả nợ, thời gian trả nợ trong vòng 06 tháng. Mong Ngân hàng chấp nhận. Tôi có nhận thông báo cho bà Lê Thị Oanh X (con tôi) tham gia hòa giải nhưng con tôi có công việc nên không tham gia được.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2022/KDTM-ST ngày 10/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại P phải trả nợ vay cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 2020254453667 ngày 13/6/2020 và giấy nhận nợ số 03-LD 2103200415 ngày 01/2/2021 là 3.392.664.009đ (ba tỷ ba trăm chín mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi bốn ngàn không trăm không chín đồng). Trong đó nợ gốc 3.000.000.000đ, lãi trong hạn 98.400.000đ, lãi quá hạn 285.090.411đ, lãi phạt quá hạn 9.173.598đ (tính đến ngày 10/5/2022)

Kể từ ngày 11/5/2022 cho đến khi trả xong nợ gốc, bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại P còn phải trả lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại P chưa thi hành số tiền nói trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở tại thửa đất số 249, tờ bản đồ số 16. Địa chỉ thửa đất tại 64/2 Nguyễn T, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên, diện tích 191,2 m² và nhà ở địa chỉ 64/2 Nguyễn T, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên, diện tích xây dựng 191,2 m², diện tích sàn: 573,6 m², kết cấu tường gạch

mái ngói, sàn BTCT, trần thạch cao, nền ceramic, nhà cấp 3, số tầng 3 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 8826670, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01433 do UBND thành phố T cấp ngày 12/12/2012 và đăng ký biến động ngày 18/5/2016 của bà Lê Thị Oanh X là chủ sở hữu để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất cứ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bị đơn công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại P để thu hồi nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/8/2022, bị đơn Công ty TNHH thương mại P có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn thay đổi một phần kháng cáo, không yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, chấp nhận trả nợ gốc cho Ngân hàng, xin miễn giảm lãi.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX và những người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty TNHH thương mại P nộp đơn kháng cáo quá hạn, tại Quyết định số 06/2022/QĐ-PT ngày 23/9/2022 của TAND tỉnh Phú Yên chấp nhận kháng cáo quá hạn của bị đơn. Ngày 15/11/2022, bị đơn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là kháng cáo hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Oanh X quá trình xét xử sơ thẩm vắng mặt, đại diện theo pháp luật của bị đơn bà Trần Thị P cam kết thông báo cho bà X tham gia tố tụng nhưng vắng mặt, sau khi có bản án sơ thẩm, bà X không kháng cáo, nay đã được triệu

tập vẫn vắng mặt, xét thấy sự vắng mặt của bà X không ảnh hưởng đến việc xét xử phúc thẩm, căn cứ Điều 296 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử.

[2] Theo đơn kháng cáo đề ngày 29/7/2022, đại diện của bị đơn, bà Trần Thị P yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng khi không tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập hợp lệ cho bà, đồng thời bản án tuyên không phù hợp chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án gây thiệt hại cho bị đơn. Tại phiên tòa, bà Trần Thị Ph thay đổi một phần kháng cáo, không yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, chấp nhận các khoản nợ, đề nghị bên Ngân hàng tạo điều kiện cho Lê Thị Oanh X giúp Công ty trả nợ gốc 3 tỷ đồng, tiền lãi trả sau, xin giảm lãi quá hạn, lãi phạt, đại diện Ngân hàng không chấp nhận đề nghị của bà Phụng. HĐXX nhận thấy:

[3] Xét nội dung giải quyết vụ án của cấp sơ thẩm: Hợp đồng tín dụng số 2020254453667 ngày 13/6/2020 và giấy nhận nợ số 03-LD 2103200415 ngày 01/2/2021 thì công ty TNHH thương mại P được Ngân hàng TMCP S chi nhánh Phú Yên cấp tín dụng với số tiền vay 3.000.000.000đ, giải ngân vào số tài khoản 040027506404, chủ tài khoản Công ty TNHH thương mại P, thời hạn vay 06 tháng, đáo hạn vào ngày 01/8/2021, lãi suất 8,2%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, thanh toán nợ lãi trả hàng tháng. Đây là hợp đồng được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, do đó có hiệu lực thi hành đối với các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, vi phạm Điều 6 của Hợp đồng “ngày trả lãi ngày 07 hàng tháng”. Đối chiếu khoản 2.1 Điều 2 các điều khoản chung về cấp tín dụng (đính kèm Hợp đồng tín dụng số 2020254453667 ký ngày 13/6/2020) quy định “chuyển toàn bộ số dư nợ thực tế còn lại của hợp đồng này và các hợp đồng tín dụng khác (nếu có) dù chưa đến hạn cũng được chuyển sang nợ quá hạn. Khi đó Ngân hàng S được áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật gồm cả xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ”, theo Điều 2.4 hợp đồng quy định “trường hợp chậm trả nợ gốc thì bên được cấp tín dụng đồng ý mức lãi suất nợ quá hạn...”. Đến ngày 08/3/2021, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi vay, nên khoản nợ vay chuyển sang nợ quá hạn. Như vậy ngân hàng đã thông báo chấm dứt cho vay thu hồi nợ, thông báo khoản vay của bị đơn đã chuyển sang nợ quá hạn và Ngân hàng áp dụng lãi suất quá hạn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và sự thỏa thuận của các bên. Tại Biên bản làm việc ngày 07/3/2022, giữa Ngân hàng TMCP S chi nhánh Phú Yên và Công ty TNHH thương mại P thỏa thuận cam kết thanh toán số tiền vay cho Ngân hàng đến ngày 31/3/2022 thì Ngân hàng sẽ giảm công ty số tiền lãi 184.657,457đ, ngày 30/3/2022, bị đơn có đơn đề nghị ngân hàng cho thêm 15 ngày để trả nợ nhưng không được ngân hàng đồng ý, đến ngày 31/3/2022, bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ đã cam kết. Ngày 01/4/2022, Ngân hàng có

thông báo số 76/2022/TB-CNPY về việc chấm dứt miễn giảm lãi vay đối với công ty TNHH thương mại P là phù hợp.

[4] Tại bản tự khai (BL69) và Biên bản hòa giải ngày 19/11/2021 (BL74), bị đơn thừa nhận có nợ Ngân hàng S, chấp nhận trả nợ nhưng xin chót nợ gốc và lãi đến ngày 19/11/2021, xin không trả lãi quá hạn, tạo điều kiện cho công ty trả nợ trong vòng 06 tháng nhưng không được ngân hàng chấp nhận. Tính đến ngày 10/5/2022, công ty TNHH thương mại P còn nợ gốc 3.000.000.000đ, lãi trong hạn 98.400.000đ, lãi quá hạn 285.090.411đ, lãi phạt quá hạn 9.173.598đ. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ vay cho nguyên đơn số tiền trên là có căn cứ.

[5] Đối với hợp đồng thế chấp số 264/TC-19 ngày 07/6/2019 và các phụ lục hợp đồng thế chấp, hợp đồng sửa đổi bổ sung được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S chi nhánh Phú Yên và bà Lê Thị Oanh X thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở tại 64/2 Nguyễn T, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 826670, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 001433 do UBND thành phố T cấp ngày 12/12/2012 cho ông Lê Đức H, bà Trần Thị P chuyển nhượng cho bà Lê Thị Oanh X, sinh năm 1986, số CMND 221147679. Địa chỉ: 118 Lê Trung K, phường 2, thành phố T, tỉnh Phú Yên theo hồ sơ số 010273.CN.002, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền ngày 18/5/2016. Hợp đồng này được đăng ký tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố T theo đúng quy định tại Điều 343 Bộ luật dân sự. Do đó hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký. Cấp sơ thẩm căn cứ thỏa thuận của các bên tại khoản 2.1 Điều 2 các điều khoản chung về cấp tín dụng (đính kèm Hợp đồng tín dụng số 202025453667 ký ngày 13/6/2020), Điều 6 Hợp đồng thế chấp, áp dụng khoản 5 Điều 351, 355 Bộ luật dân sự tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ.

[6] Bị đơn đề nghị nguyên đơn miễn, giảm lãi không được nguyên đơn chấp nhận, bị đơn kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình, HĐXX chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí: Bị đơn kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH thương mại P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Các Điều 463, 466, 468, 470, 317, 319 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 157, 158, 227, 296 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại P phải trả nợ vay cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số số 2020254453667 ngày 13/6/2020 và giấy nhận nợ số 03-LD 2103200415 ngày 01/2/2021 là 3.392.664.009đ (ba tỷ ba trăm chín mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi bốn ngàn không trăm không chín đồng). Trong đó nợ gốc 3.000.000.000đ, lãi trong hạn 98.400.000đ, lãi quá hạn 285.090.411đ, lãi phạt quá hạn 9.173.598đ (tính đến ngày 10/5/2022)

Kể từ ngày 11/5/2022 cho đến khi trả xong nợ gốc, bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại P còn phải trả lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại P chưa thi hành số tiền nói trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở tại thửa đất số 249, tờ bản đồ số 16. Địa chỉ thửa đất tại 64/2 Nguyễn T, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên, diện tích 191,2m² và nhà ở địa chỉ 64/2 Nguyễn T, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên, diện tích xây dựng 191,2 m², diện tích sàn: 573,6m², kết cấu tường gạch mái ngói, sàn BTCT, trần thạch cao, nền ceramic, nhà cấp 3, số tầng 3 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 8826670, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01433 do UBND thành phố T cấp ngày 12/12/2012 và đăng ký biến động ngày 18/5/2016 của bà Lê Thị Oanh X là chủ sở hữu để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất cứ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bị đơn công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại P để thu hồi nợ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bị đơn công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại P phải chịu 99.853.000đ (chín mươi chín triệu tám trăm năm mươi ba ngàn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000đ (Hai triệu đồng) án phí DSPT, được khấu trừ vào số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0007751 ngày 15/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T còn phải nộp 99.853.000đ (chín mươi chín triệu tám trăm năm mươi ba ngàn đồng).

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 47.468.000đ (bốn mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi tám ngàn đồng) tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0004740 ngày 18/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại P hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S 2.000.000đ (hai triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND TP T (2);
- CC THADS TP T;
- P. NVKT;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Chiu

Vũ Ngọc Hà

Lương Quang

